

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 72/2018/TT-BTC

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2018

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN ĐẾN

THÔNG TƯ

Giờ ... Ngày 17/9 Ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Dự trữ quốc gia

Kính chuyển: ...

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... Ngày: 28/9/2018

Căn cứ Luật thống kê;

Căn cứ Luật dự trữ quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật dự trữ quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 128/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia và phân công cơ quan quản lý hàng dự trữ quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thống kê;

Căn cứ Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Dự trữ quốc gia,

Điều 1. Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Dự trữ quốc gia

1. Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Dự trữ quốc gia là tập hợp các chỉ tiêu thống kê phản ánh hoạt động dự trữ quốc gia liên quan đến quá trình hình thành, quản lý và sử dụng nguồn lực dự trữ quốc gia; đồng thời là cơ sở để xây dựng Chế độ báo cáo thống kê ngành Dự trữ quốc gia.

2. Danh mục chỉ tiêu thống kê ngành Dự trữ quốc gia được quy định tại PHỤ LỤC I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Nội dung chỉ tiêu thống kê ngành Dự trữ quốc gia được quy định tại PHỤ LỤC II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài chính (Tổng cục Dự trữ Nhà nước) chủ trì kiểm tra, tổng hợp số liệu thống kê trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Dự trữ quốc gia và có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, tổng hợp báo cáo, sử dụng và cung cấp thông tin các chỉ tiêu thống kê được quy định trong danh mục chỉ tiêu thống kê ngành Dự trữ quốc gia theo quy định;

b) Rà soát, sửa đổi, bổ sung và chuẩn hóa khái niệm, nội dung, phương pháp tính của chỉ tiêu trong Danh mục chỉ tiêu thống kê ngành Dự trữ quốc gia.

c) Xây dựng chế độ báo cáo thống kê ngành Dự trữ quốc gia trên cơ sở hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành dự trữ quốc gia trình Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

2. Các Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động dự trữ quốc gia có trách nhiệm phối hợp, thu thập, lập báo cáo và cung cấp thông tin theo chỉ tiêu thống kê quy định trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Dự trữ quốc gia thuộc lĩnh vực quản lý; phối hợp trong việc cung cấp thông tin, kiểm tra công tác thống kê định kỳ, đột xuất.

3. Thủ trưởng các Bộ, ngành được giao quản lý hàng dự trữ quốc gia, Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước; các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động dự trữ quốc gia chịu trách nhiệm bảo mật thông tin thống kê theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

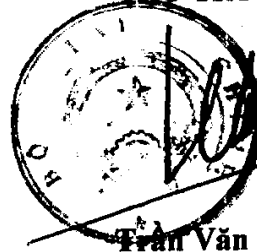
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 9 năm 2018.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư);
- Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn;
- Ban Chỉ đạo phòng chống lụt bão TW;
- HONĐ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Sở Tài chính, Kho bạc NN, Cục Thuế, Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCDINN.

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Văn Hiếu



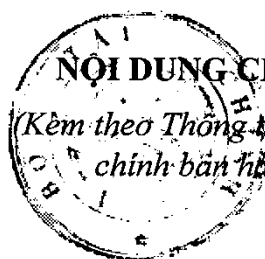
PHỤ LỤC I

DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NGÀNH DỰ TRỮ QUỐC GIA

Kèm theo Thông tư số 72/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Dự trữ quốc gia)

ST T	Mã số	Nhóm chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu
01		Hình thành nguồn lực dự trữ quốc gia	
1	0101		Nguồn hình thành dự trữ quốc gia
2	0102		Tổng chi cho mua hàng dự trữ quốc gia trong kỳ kế hoạch
3	0103		Kế hoạch mua hàng dự trữ quốc gia
4	0104		Tỷ trọng tổng dự toán chi mua hàng dự trữ quốc gia năm kế hoạch so với GDP cùng kỳ
02		Quản lý nguồn lực dự trữ quốc gia	
5	0201		Số lượng hàng dự trữ quốc gia
6	0202		Giá trị hàng dự trữ quốc gia
7	0203		Số lượng hàng dự trữ quốc gia nhập trong kỳ
8	0204		Giá trị hàng dự trữ quốc gia nhập trong kỳ
9	0205		Số lượng hàng dự trữ quốc gia xuất trong kỳ
10	0206		Giá trị hàng dự trữ quốc gia xuất trong kỳ
11	0207		Tỷ trọng tổng mức dự trữ quốc gia năm kế hoạch so với GDP cùng kỳ
12	0208		Tỷ trọng tổng mức dự trữ quốc gia kỳ kế hoạch so với chiến lược; kế hoạch 5 năm dự trữ quốc gia.
03		Sử dụng nguồn lực dự trữ quốc gia	
13	0301		Số lượng hàng dự trữ quốc gia xuất cấp trong kỳ

ST T	Mã số	Nhóm chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu
14	0302		Giá trị hàng dự trữ quốc gia xuất cấp trong kỳ
15	0303		Tỷ trọng số lượng hàng dự trữ quốc gia xuất cấp trong kỳ so với số lượng hàng dự trữ quốc gia tồn kho cuối kỳ
16	0304		Số lượng hàng dự trữ quốc gia xuất cứu trợ; phục vụ quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ khác được giao trong kỳ
17	0305		Giá trị hàng dự trữ quốc gia xuất cứu trợ; phục vụ quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ khác được giao trong kỳ
18	0306		Số lượng hàng dự trữ quốc gia xuất cứu trợ; phục vụ quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ khác được tiếp nhận và sử dụng trong kỳ
19	0307		Số lượng hàng dự trữ quốc gia xuất viện trợ trong kỳ
20	0308		Giá trị hàng dự trữ quốc gia xuất viện trợ trong kỳ

PHỤ LỤC II:**NỘI DUNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NGÀNH DỰ TRỮ QUỐC GIA**

(Kèm theo Thông tư số 72/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Dự trữ quốc gia)

01. HÌNH THÀNH NGUỒN LỰC DỰ TRỮ QUỐC GIA**0101. Nguồn hình thành dự trữ quốc gia****1. Khái niệm, phương pháp tính:**

Dự trữ quốc gia được hình thành từ các nguồn sau đây:

a) Ngân sách nhà nước:

Dự toán ngân sách Nhà nước chi cho mua hàng dự trữ quốc gia là các khoản dự toán ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương do cấp có thẩm quyền giao, thực hiện theo quy định của pháp luật và được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm bao gồm:

+ Chi dự trữ quốc gia là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước để mua hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia.

+ Chi thường xuyên là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước nhằm đảm bảo để mua hàng dự trữ quốc gia phục vụ nhiệm vụ an sinh xã hội.

Ngoài ra sử dụng dự phòng từ dự toán ngân sách trung ương, tăng thu tiết kiệm chi... để chi mua bù, mua bổ sung trong năm kế hoạch và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp mua bù, mua bổ sung hàng dự trữ quốc gia đã xuất thì bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia lập dự toán bổ sung gửi Bộ Tài chính trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

Bộ Tài chính quản lý, phân bổ các khoản dự toán chi cho mua hàng dự trữ quốc gia, mua bù hàng dự trữ quốc gia đã xuất trong năm kế hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Hằng năm, cùng với việc lập kế hoạch dự trữ quốc gia, các bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia lập dự toán ngân sách chi cho dự trữ quốc gia theo đúng nội dung kế hoạch dự trữ quốc gia, quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

b) Nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước được đưa vào dự trữ quốc gia bao gồm các nguồn lực có được từ tự nguyện; hàng hóa, vật tư được huy động từ các tổ chức, cá nhân trong tình huống đột xuất, cấp bách theo quy định của pháp luật.